

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO BÀI TOÁN THIẾU ĐIỆN Ở VIỆT NAM

Tô Văn Trường

Nền kinh tế và an sinh xã hội muốn tồn tại và phát triển thì không thể thiếu năng lượng, đặc biệt là sản xuất và cung cấp điện năng rất nhạy cảm không chỉ với mọi lĩnh vực sản xuất mà là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và công việc hàng ngày của mỗi gia đình và cá nhân. Nhu cầu năng lượng bao gồm điện năng trên thế giới và mỗi quốc gia ngày càng tăng bởi hai yếu tố chính: (i) tăng trưởng kinh tế, và (ii) tăng dân số và biến đổi khí hậu. Nguồn năng lượng ở mỗi quốc gia phụ thuộc nguồn tài nguyên thiên nhiên của nước đó và khả năng nhập khẩu.

1. Bài toán duy trì và phát triển nguồn năng lượng hay an ninh năng lượng

An ninh năng lượng quyết định sự thành công hay thất bại của của một chương trình hay chiến lược kinh tế của một quốc gia. Ngày nay, các nguồn năng lượng truyền thống đang cạn kiệt, phát thải khí nhà kính gây biến đổi khí hậu, ảnh hưởng môi trường,... trong khi các nguồn năng lượng mới thân thiện chưa đáp ứng được nhu cầu bù đắp thiếu hụt (cầu lớn hơn cung hay xung đột giữa phát triển năng lượng và kinh tế xã hội bền vững, bảo vệ môi trường) nên việc giải bài toán an ninh năng lượng càng trở nên khó khăn hơn, xuất hiện nhiều mâu thuẫn giữa các quốc gia, giữa các vùng miền cũng như nhiều khó khăn thách thức trong thực hiện chương trình kinh tế xã hội ở mỗi quốc gia. Các cuộc xung đột hiện nay trên thế giới không chỉ gây ra bởi mâu thuẫn về quan điểm chính trị mà còn có nguyên nhân tranh chấp về nguồn nhiên liệu cho an ninh năng lượng của các quốc gia phát triển.

Theo báo cáo và số liệu phân tích của Hiệp hội Năng lượng quốc tế 2016 (International Energy Outlook 2016) trong giai đoạn 2012 - 2020 mức tăng tổng sản lượng điện ở các nước thuộc tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD

(Organization of Economic Cooperation and Development) chỉ ở mức 10% (>1%/năm), dự báo đến năm 2040 sẽ chỉ ở mức tăng trung bình 1,2%/năm với chiến lược giảm khí phát thải bằng giảm tăng trưởng các nguồn năng lượng than, và dầu lửa, tăng sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo. Trong khi đó các nước đang phát triển (Non-OECD) có mức tăng sản lượng điện cao hơn gấp đôi tương ứng hơn 25% cho giai đoạn 2012-2020 và dự báo tăng 2,5%/năm cho 2012-2040. Đó là thách thức và khó khăn lớn cho các nước đang phát triển đang trong giai đoạn công nghiệp hóa cao, trong đó có Việt Nam.

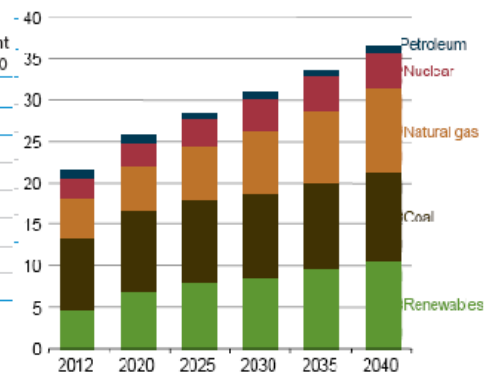
Báo cáo này là kết quả đánh giá phân tích tổng quát tin cậy cho thấy để bảo đảm hài hòa giữa các yêu cầu: phát triển kinh tế xã hội, an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường mặc dù rất tích cực triển khai sử dụng, giảm giá thành các nguồn năng lượng tái tạo nhưng đến 2040 vẫn chưa thể loại bỏ được một nguồn năng lượng truyền thống nào, kể cả Mỹ là nước đầu tư lớn và triển khai tiên phong với điều kiện tự nhiên kinh tế thuận lợi cho sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, mà chỉ giảm tăng trưởng các nguồn gây phát thải cao là than đá và đang cạn kiệt nhanh là dầu lửa (Hình 1).

Table 5-1. OECD and non-OECD net electricity generation by energy source, 2012–40 (trillion kilowatthours)

Energy source by region	2012	2020	2025	2030	2035	2040	Average annual percent
							change, 2012-40
OECD	10.2	11.3	12.0	12.6	13.3	14.2	1.2
Non-OECD	11.3	14.4	16.4	18.2	20.2	22.3	2.5
Total World	21.6	25.8	28.4	30.8	33.6	36.5	1.9
Petroleum and other liquids	1.1	0.9	0.7	0.6	0.6	0.6	-2.2
Natural gas	4.8	5.3	6.3	7.5	8.8	10.1	2.7
Coal	8.6	9.7	10.1	10.1	10.3	10.6	0.8
Nuclear	2.3	3.1	3.4	3.9	4.3	4.5	2.4
Renewables	4.7	6.9	7.9	8.7	9.6	10.6	2.9

82 U.S. Energy Information Administration | International Energy Outlook 2016

Figure 5-3. World net electricity generation by fuel, 2012–40 (trillion kilowatthours)



Hình 1. Hiện trạng sử dụng (năm 2012-2020) và dự báo sản lượng điện trên thế giới (đến năm 2040) với các nguồn năng lượng

Mục tiêu thay thế 100% năng lượng tái tạo chưa thể thực hiện được ở các quốc gia trong một tương lai gần (đến năm 2040).

Việt Nam đến nay vẫn là nước có sản lượng điện rất thấp so với mức trung bình

của thế giới và các nước trong khu vực (Bảng 1).

Để đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế đạt mục tiêu công nghiệp hóa với mức tăng trưởng 6 – 7%/năm, năm 2016 Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia giai đoạn 2011- 2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch VII điều chỉnh) do các chuyên gia và quản lý ngành điện xây dựng (Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016) được gọi tên là Quy hoạch điện VII điều chỉnh bởi có nhiều thay đổi bổ sung bản Quy hoạch điện VII đã lập và phê duyệt năm 2010.

Theo lời giải lý thuyết cũng như phân tích thực tiễn đã tổng kết được tỷ lệ so sánh giữa mức tăng trưởng cung cấp năng lượng so với chỉ số mức tăng trưởng thu nhập kinh tế quốc dân (GDP) – được gọi là hệ số đàn hồi năng lượng, luôn lớn hơn 1, có khi đến 2 lần tùy thuộc vào điều kiện hoàn cảnh kinh tế và giá thành cung cấp năng lượng ở mỗi quốc gia ở thời điểm đó. Tức là để đạt tăng trưởng GDP lên 1% thì cần có mức tăng trưởng năng lượng từ >1 đến 2% .

Căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu phát triển kinh tế, nguồn tài nguyên, nhiên liệu khai thác được và nhập khẩu, khả năng đầu tư của Chính phủ,... các nhà quản lý và

Bảng 1. Sản lượng điện bình quân đầu người của Việt Nam và một số nước

TT	Tên quốc gia	Dân số 2017 (người)	Bình quân (kWh/người/năm) 2015
1	Mỹ	326.474.013	11,973
2	Pháp	64.938.716	6,498
3	Nga	143.357.006	6,256
4	Đức	80.636.124	6,385
5	Hàn Quốc	50.704.917	9,710
6	Nhật		7,383
7	Singapore		7,913
8	Trung Quốc		4,292
9	Malaysia		4,238
10	Thailand		2,460
11	Việt Nam	95.414.640	1,396
	Thế giới		3.037

Nguồn: *Electricity consumption per capita - Country Comparison* – *IndexMundi*, <https://www.indexmundi.com/g/r.aspxv=81000>

chuyên môn ngành điện đã tính toán dự báo nhu cầu nguồn điện từ 40.000 MW năm 2016 cần phải tăng lên 60.000 MW vào năm 2020 và 129.500 MW vào năm 2030 tương ứng với sản lượng điện năng thương phẩm tăng từ 235 Tỷ kWh vào năm 2020 lên 506 Tỷ kWh vào năm 2030. Cơ cấu nguồn bao gồm thủy điện, nhiệt điện than, khí đốt, năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, sinh khối), hạt nhân (dự kiến năm 2028), nhập khẩu. Phần năng lượng tái tạo, được ưu tiên, sẽ chiếm khoảng 7% vào năm 2020 và khoảng 10% tổng sản lượng điện quốc gia vào năm 2030 (Bảng 2).

Vào năm 2030 mà chưa thấy có điện từ sóng biển, địa nhiệt?

Loại Năng lượng	Năm Đơn vị	2020	2025	2030
Thủy điện (cả tích năng)	MW	21.600	24.600	27.800
	%	29,5	20,5	15,5
Nhiệt điện than	MW	26.000	47.600	55.300
	TWh	131	220	304
	%	49,3	55	53,2
Nhiệt điện khí tự nhiên	MW	9.000	15.000	19.000
	TWh	44	76	96
	%	16,6	19	16,8
Điện Mặt trời	MW	850	4.000	12.000
	%	0,5	1,6	3,3
Điện Gió	MW	800	2.000	6.000
	%	0,8	1	2,1
Sinh khối	%	1	1,2	2,1
Điện hạt nhân	MW	0	0	4.000
	%	0	0	5,7
Nhập khẩu	%	2,4	1,6	1,2
Sản lượng điện cần đạt	TWh	265	400	572

Trong tương lai với sự phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhưng chưa thể loại bỏ được một nguồn điện truyền thống nào bởi các lý do sau:

- Nhiệt điện than: Giá thành cạnh tranh, ô nhiễm môi trường tương đối lớn tùy theo công nghệ, loại nhiên liệu cấp đầu vào và quá trình quản lý ô nhiễm nhưng vẫn thuộc loại phát thải ô nhiễm cao nhất. Nguồn năng lượng sử dụng than có thể quy hoạch xây dựng nhanh, diện tích đất sử dụng thấp, đáp ứng phụ tải nền, đảm bảo tốt cho an ninh năng lượng. Tuy nhiên, hiện nay khó thu xếp vốn đầu tư và cũng gặp khó khăn về cung cấp nguồn than trong nước đảm bảo số lượng và chất lượng theo yêu cầu, cần có vốn nhập khẩu.
- Nhiệt điện dầu, khí: Giá thành cao, sạch và ít ô nhiễm môi trường so với than, có thể chạy phụ tải nền hoặc đỉnh nhưng khuyến khích chạy phụ tải đỉnh vì giá thành cao. Trong nhiều trường hợp chạy phụ tải nền để khai thác được nguồn khí đốt là tài nguyên của đất nước.
- Thủy điện. Vốn đầu tư lớn không gây ô nhiễm, vận hành tốn ít chi phí, tuy nhiên diện tích đất sử dụng lớn làm hồ chứa, lập dự án không cẩn thận, vận hành kém có thể gây ra những rủi ro gây thiệt hại lớn như lũ lụt lội. Không gây ô nhiễm môi trường khi vận hành bình thường. Nguồn có hạn và gần như đã khai thác hết.
- Các loại năng lượng tái tạo bao gồm gió, mặt trời hiện nay giá thành ngày càng rẻ nhưng tốn diện tích đất, vốn đầu tư lớn, giá thành cao, hiệu suất và sự ổn định thấp phụ thuộc vào thời tiết, không tồn tại được nếu không có nguồn khác hỗ trợ để cân bằng lưới điện. Khó điều khiển chung cho lưới điện vì tính thiếu ổn định của nó. Ở một số nước có nguồn năng lượng địa nhiệt Iceland, Philippin, Indonesia, Mỹ,... Ở Việt Nam cũng có nguồn địa nhiệt nhưng tiềm năng nhỏ.
- Điện hạt nhân: có nhiều ưu thế nhưng đòi hỏi quản lý rủi ro cao.
- Mua điện từ các nước láng giềng: Có tính phụ thuộc cao. Nên thực hiện trong trường hợp thiếu điện hoặc giá mua cạnh tranh. Cần chuẩn bị cơ sở hạ tầng tốt để có thể tận dụng qua đó đảm bảo được an ninh năng lượng.

Để thực hiện chính sách phục vụ nhu cầu điện cho sản xuất dịch vụ và sinh hoạt

trên cả nước thì hiện tại Nhiệt điện than và Thủy điện đang phải gánh lỗ cho Năng lượng tái tạo và Nhiệt điện dầu, khí đặc biệt là khí giá của dầu, khí cao như thời cao điểm và thường thì giá dầu, khí biến động khó lường theo thị trường thế giới.

2. Nguyên nhân thiếu điện, những bất cập về tổ chức sản xuất kinh doanh và giá điện:

Mặc dù bản Quy hoạch điện VII điều chỉnh được phê duyệt đã tham khảo áp dụng các phương pháp tính toán khoa học phổ biến trên thế giới (xem Hình 1) và điều chỉnh kịp thời theo những biến động thực tiễn bởi triển vọng khai thác tiềm năng các nguồn năng lượng tái tạo là điện mặt trời và điện gió khá hợp lý, về cơ bản cho khả năng thực hiện để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng ở Việt Nam.

Tuy nhiên, việc triển khai xây dựng các nhà máy cấp điện trên thực tế hiện nay bị chậm trễ so với yêu cầu đã xuất hiện nguy cơ thiếu điện ngay trong năm tới (2019) và những năm sau. Thêm vào đó sự xuất hiện trên thông tin đại chúng những ý kiến phản đối và trái chiều về kế hoạch triển khai xây dựng các nguồn điện là nguyên nhân gây khó khăn cho việc triển khai phát triển nguồn điện kịp thời cũng như rối loạn đầu tư, đó là một nguyên nhân gây thiếu điện, chủ yếu như: (i) thông tin quảng cáo tạo ra tâm lý quá lạc quan về các nguồn năng lượng gió và điện mặt trời nhiều ý kiến phản đối đề xuất mức tăng trưởng nhiệt điện than bởi nguy cơ ô nhiễm cao, gây khó khăn trong việc lựa chọn vị trí và thu hút đầu tư xây dựng nhà máy làm chậm tiến độ; (ii) phản đối các nguồn đầu tư tài chính và thiết bị từ Trung Quốc cho rằng thiết bị lạc hậu và đấu thầu tiêu cực; (iii) nhận thức và đánh giá chưa đầy đủ về hiệu quả kinh tế, chưa đánh giá hết những hạn chế kỹ thuật và tác động môi trường của các nguồn điện gió và mặt trời ở điều kiện khí hậu và sử dụng đất, vv. ở Việt Nam nên đang có xu hướng đầu tư triển khai ồ ạt các dự án điện gió và điện mặt trời thực chất là mua thiết bị có giá rẻ và bán có lãi ẩn chứa nhiều hậu quả khó lường trong tương lai.

Vấn đề này cần được các nhà chuyên môn, nhà quản lý ngành năng lượng, các ngành Khoa học, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính,... tiến hành các nghiên

cứ đánh giá ở các quy mô từ nhỏ đến lớn để có dữ liệu chuẩn xác bổ sung các điều luật và quy chế chặt chẽ cho chiến lược và biện pháp thực thi triển khai nguồn năng lượng mới đảm bảo cho chương trình phát triển kinh tế có hiệu quả, tạo diễn đàn công khai trên các cổng thông tin khoa học cũng như thông tin đại chúng để các chuyên gia uy tín đàm luận giải thích trả lời các ý kiến dư luận khác nhau trên cơ sở khoa học và dữ liệu thực tiễn.

Một số trở ngại thực tế là nguyên nhân liên quan đến tiến độ xây dựng nhà máy điện gây trở ngại tăng nguồn cấp điện:

-Tháng 11 năm 2016 Quốc hội thông qua chủ trương dừng thực hiện Dự án điện hạt nhân tại Ninh Thuận (4.600 MW); một số dự án nguồn điện dừng triển khai thực hiện: Nhiệt điện Bạc Liêu (1.200 MW), Nhiệt điện Cẩm Phả 3 (440 MW); nhiều dự án nguồn điện chậm tiến độ so với quy hoạch, hoặc chưa có chủ đầu tư; chưa phê duyệt được Quy hoạch địa điểm Trung tâm Điện lực Long An... nên dẫn đến nguy cơ Việt Nam sẽ thiếu điện sau những năm 2020 trở đi.

-Nhiệt điện Long Phú thông số trên tới hạn công suất 1200 MW đang bị chững lại do tổng thầu Nga mua tua bin của GE (Mỹ). Việt Nam đã thanh toán tiền nhưng Mỹ cấm vận Nga nên không có tua bin.

-Nhiệt điện Thái Bình 1200 MW đang trong giai đoạn hoàn thiện đã đầu tư rất lớn nhưng vì vụ Trịnh Xuân Thanh nên đình đốn về vốn dẫn đến sự vỡ trận. Cần có sự điều hành quyết đoán của Chính phủ không thì thiệt hại sẽ rất lớn do trang thiết bị quá thời hạn bảo hành mà vẫn chưa được vận hành cùng nhiều bất cập khác.

- Giao đầu tư dàn trải cho các công ty nhà nước trong khi lại cũng chỉ dựa vào một nguồn tài chính của Chính phủ, mà nguồn này lại thiếu thốn dẫn đến các công trình trì trệ.

-Một số công ty tư nhân nhận được những dự án lớn nhưng họ thực sự không có khả năng tài chính. Đây là sự yếu kém về quản trị kinh tế và tầm nhìn. Thiết bị sản xuất năng lượng, truyền tải mà lạc hậu hoặc quá thời hạn sử dụng, quản lý kém dẫn đến tổn thất cao khiến cho góp phần thiếu điện. Chớ trừu là giá điện ở

VN thấp, cho nên phải tăng giá điện thì mới ‘đánh’ vào ý thức tiêu sài điện, nhưng lương VN lại thấp.

- Các vấn đề về chính sách đàm phán mua bán nhập khẩu than cần phải được ra soát để vừa đảm bảo tính cạnh tranh vừa đảm bảo được nguồn lực đủ lớn để có được các quyết định như mua mỏ ở nước ngoài, chuyên chở khối lượng lớn và những việc cần thiết khác

- Cần có những trung tâm tập kết than lớn có khả năng trộn than để cho ra được than có chất lượng và đặc tính phù hợp với yêu cầu của lò hơi các nhà máy Nhiệt điện hiện có.

Ngoài biểu hiện thực tiễn khó khăn trong xây dựng các nguồn điện nêu trên, nếu phân tích rộng và sâu hơn có thể thấy với nhiều bất cập của cơ chế quản lý nhà nước và cách làm ăn hiện nay của ngành điện sẽ khó tránh khỏi những khủng hoảng trong thực thi chiến lược an ninh năng lượng ngay trong tương lai gần.

Bởi lẽ trong nền kinh tế thị trường sản xuất điện là một lĩnh vực kinh doanh sản xuất vật chất thực thụ nên phải có đủ năng lực (nhân lực, kỹ thuật và tài chính) để thực hiện chức năng như Nhà thầu Hợp đồng theo kế hoạch phát triển năng lượng điện của Chính phủ như Nhà Đầu tư theo luật pháp quy định. Việc thực hiện sản xuất kinh doanh điện cũng phải hạch toán giữa chi phí đầu tư và giá trị bán sản phẩm để làm sao ngành kinh doanh thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ thuế, có lãi để tăng tích lũy vốn cho phát triển, giá thành sản phẩm phải được thị trường chấp nhận có tính cạnh tranh,... Nghĩa là giá điện phải được minh bạch và điều chỉnh thích hợp theo từng thời kỳ một cách minh bạch bởi sự quản lý của cơ quan có thẩm quyền nhà nước xác nhận và người tiêu dùng chấp nhận thì ngành sản xuất điện mới có khả năng phát triển năng lực đáp ứng yêu cầu cho thực hiện các chương trình sản xuất và cung cấp điện cho thị trường ngày càng có mức tăng trưởng cao.

Hiện nay, ngành sản xuất điện (Bên Nhà Thầu) hoàn toàn chưa thực sự là một chủ thể kinh doanh độc lập mà vẫn chỉ là một đơn vị sự nghiệp nhà nước, giá cả sản phẩm tức giá điện bán ra do nhà nước quyết định không dựa trên một hạch

toán kinh doanh lỗ lãi ra sao, việc đầu tư xây dựng hệ thống sản xuất và cung cấp điện vẫn dựa trên cách làm “xin – cho” kiểu bao cấp gây thất thoát, lãng phí, đội giá,... dẫn đến không xác định được giá thành thực của sản phẩm, không tích lũy được vốn cho phát triển. Đây chính là nguyên nhân gây thiếu điện có thể sẽ trầm trọng hơn, việc điều chỉnh giá khó được doanh nghiệp và người tiêu dùng chấp nhận do thiếu minh bạch và tính cạnh tranh,... sẽ là trở ngại rất lớn cho việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong giai đoạn công nghiệp hóa đất nước.

Rõ ràng chiến lược cơ bản và lâu dài để khắc phục nguy cơ thiếu điện và trở ngại trong thực hiện an ninh năng lượng phải tiến hành cải tổ tổ chức sản xuất kinh doanh điện theo cơ chế thị trường chứ không thể là các chỉ đạo hành chính và cách định giá sản phẩm theo kiểu bao cấp như hiện nay.

Nhiệt điện than giá còn rẻ do chúng ta chưa tính hết được chi phí môi trường của Nhiệt điện than và phần nào đó nhà nước còn có điều phối các ngành than, dầu, điện hỗ trợ lẫn nhau và không phải lúc nào cũng vận hành theo cơ chế thị trường dẫn đến thị trường bị méo mó.

Trong điều kiện để đảm bảo cho phát triển kinh tế như hiện nay thì việc tiếp tục đầu tư cho Nhiệt điện than là khó tránh. Trong chiến lược phát triển năng lượng thế giới đến năm 2040, mặc dù có sự ưu tiên đầu tư triển khai lớn cho các nguồn năng lượng tái tạo, nhưng để bảo đảm kịch bản kinh tế phát triển bình thường vẫn chưa thể loại bỏ được nguồn năng lượng truyền thống nào (International Energy Outlook 2016). Điều quan trọng là chúng ta phải thích ứng thế nào để giải quyết các bài toán môi trường cho Nhiệt điện than bao gồm lựa chọn địa điểm, bố trí không gian nhà máy, tăng cường kỹ thuật kiểm soát xử lý môi trường khí thải và tro xỉ thải. Hiện nay, đang rất cần nhà nước tháo gỡ do tro xỉ nhiều nơi còn bị ứ đọng gây bức xúc trên công luận.

Một chính sách sử dụng giá bán điện như một công cụ làm công cụ giảm tiêu thụ điện để góp phần khắc phục tình trạng thiếu điện.

Việc giảm tiêu thụ với nghĩa là sử dụng hiệu quả tiết kiệm hợp lý là cần thiết và phải đảm bảo được sự không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng có kiểm soát tới sự phát

triển kinh tế xã hội. Ngoài biện pháp tuyên truyền giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, khuyến khích nghiên cứu phát triển các thiết bị tiêu hao ít năng lượng,... thì việc áp dụng giá bán điện như một chế tài hữu hiệu cho sử dụng hiệu quả tiết kiệm năng lượng được phổ biến ở các nước. Nguyên tắc chung là khi giá bán điện phù hợp thì người sử dụng không dám lãng phí điện nhưng vẫn sử dụng điện ở một chừng mực cần thiết đồng thời khuyến khích các giải pháp tiết kiệm điện. Hiện nay, sự tăng nguồn cầu điện thể hiện ở các dạng sau:

Việc sử dụng các thiết bị sử dụng điện tăng lên chóng mặt và tiêu thụ điện cho nhu cầu này, theo Hiệp Hội các nhà xây dựng Đông Nam Á (2010) tỷ lệ tiêu thụ điện cho điều hòa không khí trong tòa nhà văn phòng, tòa nhà khách sạn và trung tâm thương mại chiếm tới 58 – 76% tổng năng lượng tiêu thụ. Các giải pháp tiết kiệm điện cho điều hòa, máy lạnh cũng nhiều và giá điện ảnh hưởng lớn tới hành vi sử dụng, ý thức sử dụng và phương án tiết kiệm điện khi sử dụng cho nhu cầu này. Trong khi ở Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc đã áp dụng phổ biến công nghệ bơm nguồn nhiệt đất (Ground Source heat Pump) tiết kiệm đáng kể năng lượng cho lĩnh vực này thì ở Việt Nam người sử dụng không hề quan tâm vì giá điện chưa/không ảnh hưởng đến thu nhập kinh doanh !

-Sản xuất công nghiệp tăng lên đòi hỏi nguồn cầu điện tăng lên để đáp ứng các nhu cầu cho sản xuất. Công nghiệp nhìn chung chiếm tỉ trọng cao trong nhu cầu điện chung của Quốc gia. Việc lựa chọn công nghệ sản xuất, ngành nghề sản xuất, ý thức sử dụng và việc đầu tư cho các giải pháp tiết kiệm năng lượng phụ thuộc rất nhiều vào giá điện. Giá điện cho Công nghiệp hiện nay chưa dẫn đến ý thức tiết kiệm điện cao trong các cơ sở sản xuất để giảm nguồn cầu.

-Trong tương lai, các phương tiện giao thông chạy điện có thể phát triển dẫn đến tăng nhu cầu điện. Phương tiện giao thông chạy điện góp phần làm giảm nhẹ phát thải ở các khu đô thị lớn tập trung nên cần khuyến khích. Các chính sách cho việc phát triển phương tiện giao thông chạy điện cũng cần định hình sớm để tránh những tổn thất điện không đáng có, tạo ra cơ sở hạ tầng phù hợp (trạm sạc điện). Các phương tiện giao thông công cộng chạy điện khi phát triển sau này cũng sẽ làm tăng nhu cầu điện của đất nước

Với tất cả các dạng tăng năng lượng đó, giá điện đóng vai trò rất quan trọng để

tối ưu hóa sự sử dụng điện mà vẫn phát triển được kinh tế xã hội. Hiện nay, chúng ta đang có chính sách giá điện áp dụng chung trên cả nước. Chính sách chung mà áp dụng cho khu vực rộng lớn, các lĩnh vực sản xuất dịch vụ khác nhau thì không thể tránh được những sự bất hợp lý như:

-Cắt giảm sử dụng điện cho nhu cầu thiết yếu vì không đủ tiền trả (điều này nhìn chung chưa đến mức vì chính sách chung của chúng ta đang là giá điện rẻ phục vụ toàn dân với bình quân thu nhập thấp).

-Không tạo ra ý thức tiết kiệm cho những nhu cầu xa xỉ (sử dụng điện cho điều hòa chẳng hạn) do giá điện còn rẻ.

-Chưa đủ khuyến khích để áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng bằng việc sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng hơn. Do việc tính kinh tế đầu tư cho thấy thời gian thu hồi vốn kéo dài.

-Nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp có diện tích rất lớn và rất phù hợp với việc đầu tư năng lượng mặt trời trên mái. Tuy nhiên, do giá điện mua từ lưới điện quốc gia còn rẻ nên việc đầu tư tại chỗ năng lượng tái tạo từ mặt trời để tự sử dụng cho nhà máy có thể khả thi về mặt kinh tế nhưng chưa được quan tâm đánh giá tác động môi trường để đưa ra các quy định nghiêm túc.

Bởi vậy, chúng ta dần phải đi đến chính sách mạnh mẽ hơn về giá điện trở thành chế tài đối với những nơi cần áp dụng giá điện cao hơn, đồng thời tạo ra những chính sách hỗ trợ có trọng điểm như hỗ trợ giảm giá cho những vùng cần khuyến khích bằng việc bù giá năng lượng.

Về các giải pháp cho những ngành có cơ cấu chi phí điện năng trong tổng chi phí sản xuất và doanh thu cao thì việc thay đổi giá điện sẽ quá nhạy cảm đối với sự tồn tại của doanh nghiệp. Việc tăng giá phải thận trọng do họ dễ dẫn đến phá sản. Các giải pháp tiết kiệm năng lượng thông thường nhìn chung cũng đã được áp dụng nhưng chưa đủ mạnh, việc tiết kiệm hơn đòi hỏi phải thay đổi công nghệ sẽ dẫn đến sự đầu tư lớn cần có lộ trình phù hợp để giảm mức thiếu hụt nguồn cung điện năng.

Các ngành, lĩnh vực có tỉ trọng chi phí năng lượng so với tổng doanh thu là nhỏ thì việc tăng giá điện sẽ khuyến khích họ tiết kiệm điện hơn trong ý thức và các ngành này nhìn chung còn tồn tại nhiều cơ hội tiết kiệm năng lượng với chi phí

thấp nhưng do quá tập trung vào doanh thu tổng mà họ chưa nghĩ đến để có thể giảm chi phí của quá trình sản xuất đòi hỏi phải có đánh giá và áp dụng chế tài cần thiết.

3. Lời kết

Từ khi xảy ra cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới (năm 1970) xuất hiện hàng loạt vấn đề: báo động sự cạn kiệt các nguồn nhiên liệu hóa thạch làm giá dầu mỏ tăng mạnh cùng với hiện tượng nhiệt độ Trái đất nóng lên do phát thải khí nhà kính từ các nguồn chất đốt hóa thạch (chủ yếu là than đá), sự cố nhà máy điện hạt nhân (Chernobyn 1986, Fukusyma 2011), sự cố ảnh hưởng xấu đến môi trường do ngăn dòng chảy sông làm thủy điện,... vấn đề phát triển kinh tế bền vững đòi hỏi phải giải bài toán kết hợp hài hòa giữa 3 nhu cầu: (i) phát triển kinh tế; (ii) an ninh năng lượng, và (iii) bảo vệ môi trường. Việc giải quyết nhiệm vụ phát triển năng lượng luôn gặp phải sự xung đột giữa các nhu cầu trên, và các nước đang phát triển, đặc biệt là Việt Nam với đòi hỏi tốc độ tăng trưởng nguồn để có sản lượng điện tăng khoảng 10%/năm là một thách thức lớn, đứng trước tình trạng thiếu điện nghiêm trọng.

Khó khăn hiện nay trong xây dựng Chương trình an ninh năng lượng quốc gia đang phát triển gây bởi một loạt yếu tố: nguồn nhiên liệu cho sản xuất điện truyền thống giá rẻ đang cạn kiệt có giá cả biến động, phải hạn chế tăng trưởng các nguồn phát thải ô nhiễm để bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, các nguồn năng lượng tái tạo vẫn chưa thể thay thế để bảo đảm phát triển kinh tế trong tương lai đến năm 2040. Để xây dựng chương trình an ninh năng lượng cho mỗi quốc gia cần dựa vào xu thế phát triển năng lượng của thế giới và điều kiện kinh tế ở mỗi nước.

Quy hoạch điện VII điều chỉnh được phê duyệt năm 2016 của Chính phủ Việt Nam là xu thế chung của bài toán an ninh năng lượng thế giới, đảm bảo yêu cầu cho phát triển kinh tế của đất nước và tôn trọng các cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường. Những ý kiến trái chiều của dư luận về tỷ trọng năng lượng tái tạo và năng lượng truyền thống còn mang tính suy luận đơn giản, cần được trao đổi luận giải trên cơ sở khoa học và công nghệ chuyên sâu.

Bộ Công thương đã và đang có nhiều cải cách từ khâu tổ chức, giảm thiểu các thủ

tục hành chính, đến rà soát bổ sung quy hoạch ngành điện (quan tâm đến năng lượng tái tạo) rất đáng ghi nhận. Tuy nhiên, vấn đề “nút thắt” vẫn nằm ở EVN và TKV, nguy cơ thiếu điện đang diễn ra và có thể sẽ xuất hiện trong tương lai có nguyên nhân sâu xa là ngành điện chưa thực sự trở thành thực thể sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường nên việc xây dựng phát triển nguồn cung cấp điện không theo kịp nhu cầu phát triển sản xuất và tiêu dùng. Một số giải pháp cần thiết như tiết kiệm điện, và cần nghiên cứu áp dụng tăng giá hợp lý có tác động giảm tiêu thụ điện năng ở một số lĩnh vực sản xuất có hiệu suất năng lượng thấp và tiêu dùng sinh hoạt tiêu phí năng lượng cao.

Muốn thu hút FDI thì phải có điện. Trên cơ sở giá thuê đất, thuê lao động rẻ và sẵn, nhà đầu tư FDI vào VN là tìm kiếm lợi nhuận chứ không phải là góp phần xây dựng đất nước ta hay xây dựng CNXH, họ đầu tư những cái gì đem lại lợi nhuận nhanh và nhiều như may mặc, da giày, lắp ráp điện tử, lắp ráp ô tô. Như vậy Quy hoạch có tính đến phục vụ FDI không? Nghĩa là làm sao biết FDI bao nhiêu để đưa vào dự báo tiêu thụ (tính hệ số đàn hồi)? Nên phân hạng loại FDI nào được mua điện, FDI nào phải tự lo lấy điện (tự đầu tư). Nếu VN cung ứng đủ điện cho FDI, tức là tự lo vốn đầu tư điện để phục vụ FDI. Đối với nhà đầu tư FDI về điện, phải yêu cầu đảm bảo nguồn nhập nhiên liệu lâu dài.